

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 38/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (cấp lần đầu);

Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án “Khu nhà ở tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình”;

Căn cứ Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại – dịch vụ bờ trái sông Đà, thành phố Hòa Bình.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 32/TTr-STNMT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản STC GOLDEN LAND; địa chỉ tại Lô NT1, đường Trung Yên 6, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu nhà ở tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình” tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Khu nhà ở tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình”.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0108831779 đăng ký lần đầu ngày 19/7/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/01/2020, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0108831779.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện triển khai trên diện tích 9.705,0 m² thuộc Tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Quy mô: Dự án có tổng mức đầu tư: 134.410.708.000 đồng (không bao gồm tiền nộp trúng đấu giá quyền sử dụng đất) và thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế:

+ Công trình nhà ở: Tổng số 30 căn liền kề shophouse có tổng diện tích đất: 4.007,2m². Quy mô chiều cao 04 tầng; Diện tích xây dựng: 3.143,8 m²; Tổng diện tích sàn: 13.419,1m².

+ Công trình thương mại dịch vụ: Tổng diện tích đất 2216,9 m²; tầng cao tối đa 07 tầng, chiều cao tối đa < 28,0 m; Tổng diện tích sàn 10.476,9 m².

+ Bãi đỗ xe: 246,5 m².

+ Giao thông, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật: 3.234,4 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản STC GOLDEN LAND được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản STC GOLDEN LAND có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi tiếng ồn, độ rung và chất thải có chất ô nhiễm ra môi trường không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường, giám sát việc vận hành thử nghiệm đối với dự án “Khu nhà ở tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình” tại tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN, XD;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Cty CPĐT bất động sản STC GOLDEN LAND;
(*Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh trả kết quả*);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, khu trung tâm thương mại của dự án.

- Tổng lưu lượng xả nước thải tối đa xin cấp phép là 70 m³/ ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân và trung tâm thương mại sau khi được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, được thu gom theo đường cống D300 được bố trí dọc các tuyến đường về trạm xử lý nước thải công suất 70m³ ngày đêm, xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải: rãnh thoát nước chung của khu vực Tổ 14, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Rãnh thoát nước chung khu vực phía Tây Nam dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 2304230.2; Y(m): 430903.9

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°)

2.4. Phương thức, chế độ và chất lượng nước thải

2.4.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Thông số và giá trị cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN14:2008/BTNMT cột A (K=1)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	PH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ điểm phát sinh → ống nhựa PVC D110 → bể tự hoại 3 ngăn → Cống tròn D300 → Trạm xử lý nước thải 70 m³/ngày đêm → Cống tròn D300 → nguồn tiếp nhận là rãnh thoát nước chung khu vực phía Tây Nam dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải bể tự hoại

- Quy trình công nghệ của bể tự hoại: Nước thải sinh hoạt theo đường ống thu gom chảy về ngăn chứa số 1 (quá trình phân huỷ kỵ khí chất thải trong nước thông qua các vi khuẩn yếm khí và men vi sinh hoạt hóa) → ngăn số 2 (xử lý kỵ khí và lắng bùn cặn) → ngăn 3 (quá trình lắng và lọc) → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Công trình bể tự hoại:

+ Khu nhà liền kề: 30 bể, kích thước của mỗi bể là (DxRxH = 2,4 x 1,4 x 1,7), thể tích V= 6 m³

+ Khu Trung tâm thương mại: 02 bể, tổng V= 28 m³.

Bể số 01 Kích thước là (DxRxH = 3,55x2,78x1,7), thể tích V= 18 m³ (kích thước làm tròn).

Bể số 02, Kích thước là (DxRxH = 3,2 x 2,42 x 1,3), thể tích V= 10m³

- Kết cấu các bể: bể được xây bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng mác 75, lót đáy bê tông đá 4x6 mác 100 dày 10 cm, đáy đỡ bê tông đá 1x2 mác 200, bể trát láng vữa xi măng mác 75 dày 2cm, tường trong và đáy bể đánh màu bằng xi măng tinh.

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung

- Công nghệ xử lý:

Nước thải xử lý sơ bộ bể tự hoại → bể thu gom → bể điều hòa → bể xử lý thiếu khí → bể xử lý hiếu khí → bể lắng → bể trung gian → thiết bị lọc áp lực → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận là Rãnh thoát nước chung khu vực phía Tây Nam dự án.

- Quy mô hạng mục công trình trạm xử lý nước thải tập trung được thể hiện trong bảng sau:

- Các thiết bị của trạm xử lý nước thải:

Bảng 2. Quy mô hạng mục công trình trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Tên bể	Kích thước xây dựng	SL	Thiết bị/ Mô tả
1	Bể thu gom	BxLxH = 2,0 x 1,0 x 3,5 (m)	01	BTCT
2	Bể điều hòa	BxLxH = 2,0 x 5,3 x 3,5 (m)	01	BTCT
3	Bể thiếu khí	BxLxH = 2,0 x 3,05 x 3,5 (m)	01	BTCT
4	Bể hiếu khí	BxLxH = 2,0 x 5,7 x 3,5 (m)	01	BTCT
5	Bể lắng	BxLxH = 2,0 x 2,0 x 3,5 (m)	01	BTCT
6	Bể trung gian	BxLxH = 0,9 x 1,2 x 3,5 (m)	01	BTCT

7	Bể khử trùng	BxLxH = 2,0 x 1,1 x 3,5 (m)	01	BTCT
8	Bể chứa bùn	BxLxH = 2,0 x 1,85 x 3,5 (m)	01	BTCT

Bảng 3. Thiết bị của Trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm

STT	Hạng mục/ Thiết Bị	Đơn Vị	Số Lượng
1	Bể thu gom		
	Bơm nước thải đặt chìm Lưu lượng: Q = 6 m ³ /h Cột áp:H = 8 m Công suất: P = 0,55 KW Nguồn điện: 3pha/400V/50Hz	Cái	2
	Phao điều khiển MF-3A	Cái	1
2	Bể điều hòa		
	Bơm nước thải đặt chìm Lưu lượng: Q = 3,6 m ³ /h Cột áp:H = 8 m Công suất: P = 0,37 KW Nguồn điện: 1pha/230V/50Hz	cái	2
	Phao điều khiển MF-3A	Cái	1
	Đĩa phân phối khí Đường kính: 105mm Lưu lượng: 2-25 m ³ /h	Hệ	1
3	Bể thiếu khí		
	Bơm đảo trộn nước thải Lưu lượng: Q = 8,4 m ³ /h Cột áp: H = 5 m Công suất P = 0,37 KW Tốc độ vòng quay: 2900 vòng/phút Nguồn điện: 1pha/230V/50Hz		2
	Đệm vi sinh, vật liệu nhựa PVC, khung giá đỡ: SUV 304	Hệ	1

4	BỂ HIẾU KHÍ		
	<p>Máy thổi khí</p> <p>Lưu lượng: Q = 1,93 m³/phút</p> <p>Cột áp: H = 3 m</p> <p>Công suất P = 2,2 KW</p> <p>Tốc độ vòng quay: 1450 vòng/phút</p> <p>Nguồn điện: 380V/50Hz/3pha</p>	Cái	2
	<p>Đĩa phân phối khí</p> <p>Đường kính: 268mm</p> <p>Lưu lượng: Q= 2-6 m³/h</p> <p>Lưu lượng lớn nhất: Q_{max}: 10 m³/h</p> <p>Đầu kết nối ống: 3/4"</p> <p>Vật liệu chế tạo</p> <p>Khung màng: Nhựa PP</p> <p>Màng đĩa: EPDM</p>	Hệ	1
5	BỂ LẮNG		
	<p>Ống trung tâm và giá đỡ</p> <p>Vật liệu: SUS 304</p> <p>Tấm chắn bọt và hệ giá đỡ</p> <p>Vật liệu: SUS 304</p>	Hệ	1
	<p>BƠM Bùn tuần hoàn và bùn dư</p> <p>Lưu lượng: Q = 8,4 m³/h</p> <p>Cột áp: H = 5 m</p> <p>Công suất P = 0,37 KW</p> <p>Tốc độ vòng quay: 2900 vòng/phút</p>	Cái	1
6	BỂ KHỬ TRÙNG		
	<p>BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG</p> <p>Lưu lượng: Q_{max} = 30 lít/h</p> <p>Cột áp: H_{max} = 20,68 m</p> <p>Công suất: P = 0.045 KW</p> <p>Điện áp: 1pha/220V/50Hz</p>	cái	1
	BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG	cái	1

	Dung tích: 500 lít Vật liệu: Nhựa		
7	Bồn lọc áp lực		
	Bồn lọc áp lực - Công suất: 10 m ³ /h - Kích thước: D x H = 800 x 1800mm - Vật liệu: Thép CT3, 3mm - Vật liệu lọc: Sỏi, cát, than	cái	1
8	Hệ thống điện		
	Tủ điện điều khiển Vỏ tủ: Thép sơn tĩnh điện Thiết bị đóng cắt	Hệ	1

1.2.3. Hóa chất sử dụng

- Hoá chất sử dụng: Nước Javen 10% để khử trùng.
- Định mức sử dụng: 03 lit/ngày.

1.3. Biện pháp công trình thiết bị, phòng ngừa ứng phó với sự cố môi trường đối với nước thải

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách môi trường vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vận hành đúng quy trình của hệ thống đã xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống thu, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Báo cáo các cơ quan có chức năng về môi trường khi xảy ra các sự cố lớn để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến vận hành thử nghiệm trong thời gian 03 tháng sau khi hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Gồm 02 mẫu nước thải. Cụ thể như sau:

+ 01 vị trí nước thải tại bể thu gom.

+ 01 vị trí nước thải sau bể khử trùng, trước khi thoát ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Nước thải sinh hoạt: Các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải sinh hoạt nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A (nội dung cụ thể được cấp phép tại Phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu đối với nước thải sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (cụ thể Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 lần/ngày đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo quy chuẩn cho phép áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT cột A, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.5. Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản STC GOLDEN LAND chịu trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung phía Tây Nam dự án; Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định./.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)**1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phương tiện giao thông**

- Bố trí các làn đường thuận tiện nhất cho việc xe cộ di chuyển trong khuôn viên khu nhà ở.
- Bố trí cấm biển báo giao thông, buộc các phương tiện giao thông chấp hành khi di chuyển vào trong khu nhà ở của dự án.
- Thường xuyên quét dọn vệ sinh sạch sẽ đường, tưới nước để hạn chế tối đa bụi cuốn nên từ mặt đường do phương tiện di chuyển.

2. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Đối với hệ thống thu gom và thoát nước thải: Toàn bộ hệ thống sử dụng ống nhựa kín, xử lý bề mặt đặt ống đảm bảo tốt không xảy ra vỡ rò rỉ nước thải và khí thải, mùi ra môi trường.
- Đối với hệ thống thoát nước mưa: thường xuyên kiểm tra, nạo vét cặn lắng trong hệ thống và các hố ga, đảm bảo nước không ứ đọng có thể phát sinh mùi, khí.
- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình. Thường xuyên theo dõi, sửa chữa, khắc phục ngay các sự cố của hệ thống đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, hiệu suất cao nhất hạn chế khí thải phát sinh; Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa và thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng.

3. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Bố trí điểm trung chuyển chất thải tạm thời tại các vị trí cách xa khỏi các khu chức năng, thuận tiện cho việc vận chuyển đi mỗi ngày. Rác thải được lưu giữ trên các xe để rác tự đầy, không để trực tiếp xuống nền điểm tập kết.
- Ngoài việc dọn dẹp vệ sinh thường xuyên, chủ đầu tư định kỳ phun chế phẩm sinh học để khử mùi hôi, ruồi nhặng phát sinh tại các bãi tập kết rác trung chuyển, tần suất 01 ngày/lần. Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ khu trung chuyển ngay sau khi xe thu gom vận chuyển đem đi xử lý./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Từ các phương tiện giao thông;
- + Nguồn số 02: Các thiết bị chuyên dụng như máy điều hòa không khí, máy biến áp.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)		
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

Bảng 2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB			
	Từ 6h-21h	Từ 21h-6h		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông:
 - + Hạn chế bằng cách không cho các phương tiện giao thông có trọng tải lớn di chuyển trong khu dân cư, quy định các xe ra vào khu dân cư không bóp còi. Trang bị gờ giảm tốc độ bằng cao su tại điểm ra vào khu dân cư.
 - + Thực hiện phân luồng xe vào giờ cao điểm để tránh ùn tắc phát sinh tiếng ồn cộng hưởng, bụi và khí thải.
- Giảm thiểu tiếng ồn từ hệ thống điều hòa không khí:
 - + Lắp đặt các máy và thiết bị ở khu vực riêng biệt cách ly khỏi khu vực ở và làm việc. Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Bảng 1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên, loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	6	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	120	16 01 12
3	Hộp mực in thải	Rắn	24	08 02 04
4	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	24	16 01 08
5	Đồ điện gia dụng thải bỏ (linh kiện điện, điện tử có dính chất thải nguy hại)	Rắn	24	16 01 13
6				
Tổng			198	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Khu vực phát sinh	Khối lượng chất thải phát sinh Kg/ngày
1	Khu nhà ở và TTTM	117
	Tổng khối lượng	117

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (CTNH)

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa loại 120 lít.

2.1.2. Khu vực lưu giữ CTNH:

+ Gồm 01 khu vực lưu giữ CTNH diện tích 9,6 m² được bố trí tại khu tầng hầm Trung tâm thương mại.

+ Kho xây tường gạch chỉ đặc, nền đổ bê tông, Bên trong kho bố trí các thùng nhựa màu vàng, dung tích 120 lít có dán nhãn tương ứng với các mã CTNH và bố trí bình cứu hỏa và thùng cát, xẻng để ứng phó sự cố xảy ra.

+ Định kỳ ký hợp đồng chuyên giao CTNH với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các loại thùng đựng rác chuyên dụng 120 lít để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư sẽ chủ động hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải phát sinh từ Trung tâm thương mại, công ty chủ động ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với trạm xử lý nước thải như sau:

- Thực hiện việc chuyển giao công nghệ và tập huấn vận hành cho cán bộ tiếp nhận, quản lý và vận hành trạm xử lý.

- Trang bị dự phòng sẵn các thiết bị dự phòng, để kịp thời thay thế trong trường hợp xảy ra các sự cố hỏng hóc thiết bị.

- Khi xảy ra sự cố cần thời gian để sửa chữa khắc phục lâu, phương án ứng phó như sau: thuê đơn vị có chức năng xử lý hút đem đi xử lý theo quy định.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố cháy nổ, chập điện và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.
